

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 88 /Công Ty CP Acecook Việt Nam/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM

Địa chỉ: LÔ SỐ II-3, ĐƯỜNG SỐ 11, NHÓM CN II, KHU CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH, PHƯỜNG TÂY THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Điện thoại: 02838154064 Fax: 02838154067

Email: info@acecookvietnam.com

Mã số doanh nghiệp: 0300808687

Sản phẩm được sản xuất tại 3 nơi và 3 nơi đã có giấy chứng nhận HACCP

Giấy chứng nhận HACCP:

STT	Số giấy CN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ nhà máy sản xuất
1	VN 17/00177.00	24.08.2018	SGS Việt Nam	Địa chỉ : Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Kí hiệu nhà máy sản xuất: SG
2	VN 17/00177.00	24.08.2018	SGS Việt Nam	Địa chỉ : Khu phố 1B- phường An Phú - thị xã Thuận An - Bình Dương. Kí hiệu nhà máy sản xuất: BD
3	VN 17/00177.00	24.08.2018	SGS Việt Nam	Địa chỉ : Thị Trấn Như Quỳnh - huyện Văn Lâm- Hưng Yên. Kí hiệu nhà máy sản xuất: HY

Mã hồ sơ: LMMLN24/10.19

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: MÌ LY ẨM LIỀN MODERN - HƯƠNG VỊ LẦU THÁI TÔM.

2. Thành phần:

Vật mìn: Bột mì (bổ sung vi chất: kẽm, sắt), dầu thực vật (dầu cọ, chất chống oxy hóa (BHA (320), BHT (321))), tinh bột khoai mì, muối, đường, nước mắm, chất ổn định (pentanatri triphosphat (451(i)), kali carbonat (501(i))), chất điều vị (mononatri L- glutamat (621)), chất nhũ hóa (natri carboxymethyl cellulose (466)), chất điều chỉnh độ acid (natri carbonat (500(i))), phẩm màu tự nhiên (curcumin (100(i))), bột nghệ.
Các gia vị: Muối, dầu thực vật (dầu cọ, chất chống oxy hóa (BHA (320), BHT (321))), đường, tôm 19,49 g/kg (cá, màu chiết xuất từ ớt, phẩm màu tự nhiên (carmin (120))), protein đậu nành, chất điều vị (mononatri L- glutamat (621), dinatri 5'-inosinat (631), dinatri 5'-guanylat (627)), các gia vị (tỏi, ớt, tiêu), bắp sấy, chất điều chỉnh độ acid (acid tartaric, L(+)- (334), acid citric (330)), hành lá sấy, tinh bột khoai mì, phẩm màu tự nhiên (paprika oleoresin (160c(i)), curcumin (100(i))), hương chanh tổng hợp, nước mắm, chất tạo ngọt tổng hợp (aspartam (951)).

2a. Số tiêu chuẩn: TC: 18-19

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

5 tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng được in dưới đáy ly.

Quy cách in ngày sản xuất và hạn sử dụng :

NSX_ngày_tháng_năm_ký hiệu nhà máy sản xuất và thông tin khác tùy từng nhà máy.
HSD_ngày_tháng_năm

Thông tin " ký hiệu nhà máy sản xuất, và thông tin khác tùy từng nhà máy " có thể in cùng dòng với NSX hoặc cùng dòng với HSD tùy tình hình cho phù hợp với từng nhà máy.

4. Qui cách đóng gói và chất liệu bao bì

Qui cách đóng gói:

Khối lượng tịnh 1 ly (g/ly): 67 g +/- 4,5 g

Số lượng ly/thùng carton: 24 ly/thùng.

Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đựng trong ly nhựa cấu trúc PP (polypropylene), cấu trúc nắp ly giấy couche'/MPET/LLDPE, cấu trúc lớp trong tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm PE (polyetylen). Sau đó các ly thành phẩm được đóng vào thùng carton.

III. Mẫu nhãn sản phẩm:

Nội dung ghi nhãn phù hợp theo nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

Nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

1. Giới hạn kim loại nặng: phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa	QCVN 8-2:2011
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	0,2	Mục 2.20
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2	Mục 3.18

Mã hồ sơ: LMMLN24/10.19

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa	QCVN 8-1:2011
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2,0	Mục 1.6
2	Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	4,0	Mục 1.6
3	Ochratoxin A	µg/kg	3,0	Mục 2.2
4	Deoxynivalenol	µg/kg	750,0	Mục 4.4
5	Zearalenone	µg/kg	75,0	Mục 5.3

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	cfu/g	10 ⁴
2	Coliform	cfu/g	10,0
3	E-Coli	mpn/g	3,0
4	S.aureus	cfu/g	10,0
5	Cl. Perfringens	cfu/g	10,0
6	B. cereus	cfu/g	10,0
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	cfu/g	10 ²

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa
1	Độ ẩm vết mì	%	10,0
2	Chỉ số acid của vết mì	mg KOH/g	2,0

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị trên	Khoảng dao động +/- 20%
1	Giá trị năng lượng	kcal/67g	287	230 ~ 344
2	Hàm lượng chất béo	g/67g	10,0	8,0 ~ 12,0
3	Hàm lượng carbohydrate	g/67g	42,2	33,8 ~ 50,6
4	Hàm lượng chất đạm	g/67g	7,0	5,6 ~ 8,4

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

ASAHIRA KEITA
PGD. Khol Marketing

[illegible]



Mã hồ sơ: LMMLN24/10.19



Mã hồ sơ: LMMLN24/10.19



ASAHIRA KEITA
PGD. Khối Marketing
Deputy General Manager, Marketing Div

Mã hồ sơ: LMMLN24/10.19